CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT

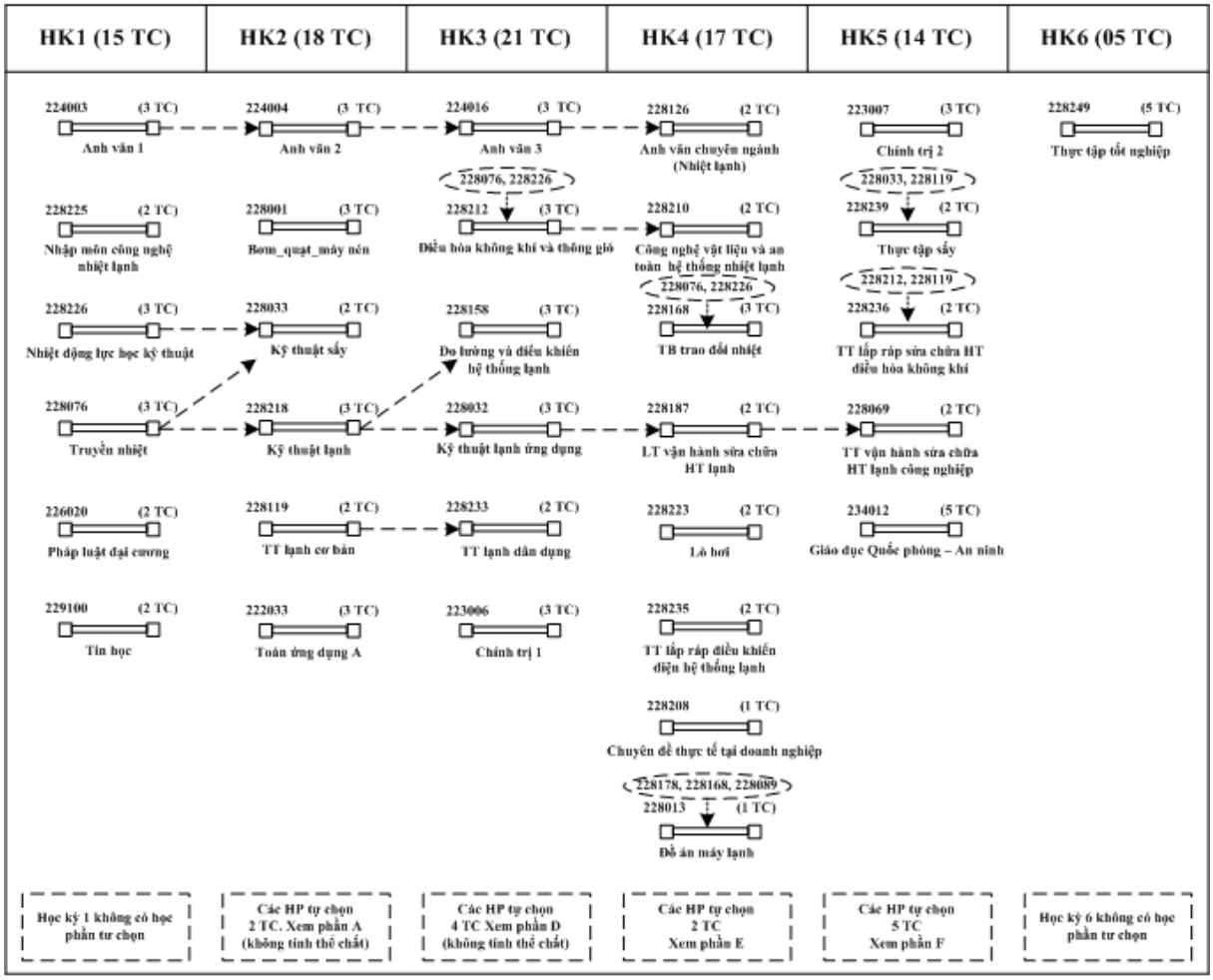
(Áp dụng từ khóa 2017)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 15 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**15**	
1	226020	Pháp luật đại cương	2	
2	229100	Tin học	2	
3	224003	Anh văn 1	3	
4	228225	Nhập môn công nghệ nhiệt lạnh	2	
5	228226	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	
6	228076	Truyền nhiệt	3	
Học kỳ 2: 18 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**16**	
7	224004	Anh văn 2	3	
8	222033	Toán ứng dụng A	3	
9	228033	Kỹ thuật sấy	2	
10	228001	Bơm – quạt – máy nén	3	
11	228218	Kỹ thuật lạnh	3	
12	228119	Thực tập lạnh cơ bản	2	
Học phần tự chọn			**2**	
13.1	226035	Soạn thảo văn bản	2	
13.2	229030	Tin học văn phòng	2	
13.3	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
14.1	234002	Bóng chuyền 1	2	
14.2	234006	Bóng đá 1	2	
14.3	234007	Bóng rổ 1	2	
14.4	234008	Cầu lông 1	2	
14.5	234009	Aerobic 1	2	
Học kỳ 3: 21 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**17**	
15	224016	Anh văn 3	3	
16	223006	Chính trị 1	3	
17	228032	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	3	
18	228212	Điều hòa không khí và thông gió	3	

19	228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	3	
20	228233	Thực hành lạnh dân dụng	2	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
21.1	234003	Bóng chuyền 2	2	
21.2	234010	Bóng đá 2	2	
21.3	234011	Bóng rổ 2	2	
21.4	234013	Cầu lông 2	2	
21.5	234014	Aerobic 2	2	
Học phần tự chọn			**2**	
22.1	222010	Logic học đại cương	2	
22.2	226017	Môi trường và con người	2	
22.3	227073	Lập trình C++	2	
Học phần tự chọn			**2**	
23.1	228105	Năng lượng tái tạo	2	
23.2	228243	Tính toán hệ thống lạnh công nghiệp	2	
23.3	228217	Hệ thống điều hòa không khí VRV	2	
Học kỳ 4: 17 Tín chỉ (không tính học phần GDQP)				
Học phần bắt buộc			**15**	
24	234012	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	5	
25	228210	Công nghệ vật liệu và an toàn hệ thống nhiệt lạnh	2	
26	228126	Anh văn chuyên ngành (nhiệt lạnh)	2	
27	228168	Thiết bị trao đổi nhiệt	3	
28	228208	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp (Ngành nhiệt lanh)	1	
29	228187	Lý thuyết vận hành sửa chữa hệ thống lạnh	2	
30	228223	Lò hơi	2	
31	228235	Thực hành lắp ráp điều khiển điện hệ thống lạnh	2	
32	228013	Đồ án máy lạnh	1	
Học phần tự chọn			**2**	
33.1	228209	Công nghệ bơm nhiệt và ứng dụng	2	
33.2	228242	Tiết kiệm năng lượng trong các hệ thống nhiệt lạnh	2	
33.3	228244	Tính toán thiết kế hệ thống điều hòa không khí	2	
Học kỳ 5: 14 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**9**	
34	223007	Chính trị 2	3	
35	228236	Thực hành lắp ráp sửa chữa hệ thống điều hòa	2	

		không khí		
36	228069	Thực tập vận hành sửa chữa hệ thống lạnh công nghiệp	2	
37	228239	Thực hành sấy	2	
Học phần tự chọn			**5**	
38.1	228102	Khóa luận tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	5	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
38.2	228200	Chuyên đề công nghệ nhiệt lạnh	3	
38.3	228234	Thực hành lạnh nâng cao	2	
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ				
39	228249	Thực tập tốt nghiệp (Nhiệt lạnh)	**5**	

CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ NHIỆT LẠNH (90 TC)
(Dùng cho khối Cao Đẳng 2017)



CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN

